

## BIỆN PHÁP TẠM GIỮ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CẦN ĐƯỢC ÁP DỤNG NHƯ THẾ NÀO?

ThS. NGUYỄN MẠNH HÙNG \*

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội, giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay đã có sự gia tăng rất lớn về phương tiện và lưu lượng người tham gia. Việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đang là vấn đề được Đảng, Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm.

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về giao thông đường bộ nhằm thiết lập, duy trì và bảo vệ trật tự an toàn về giao thông đường bộ, góp phần quan trọng vào việc phục vụ và thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội ở nước ta như: Luật giao thông đường bộ ngày 29/6/2001; Nghị định số 14/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 quy định chi tiết một số điều của Luật giao thông đường bộ về một số quy tắc giao thông đường bộ; về tín hiệu của xe ưu tiên; về tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ; về trách nhiệm của các bộ, ngành, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 quy định về các giải pháp kiểm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; Nghị định số 15/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với

các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông đường bộ, các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông của kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ và các hành vi vi phạm khác về giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15 - Nghị định này đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2003/NĐ-CP ngày 13/8/2003).

Theo các văn bản pháp luật nêu trên, mọi vi phạm hành chính về giao thông đường bộ phải được các cơ quan, người có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật. Tuy từng trường hợp cụ thể, theo quy định của pháp luật người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ có thể áp dụng những biện pháp cưỡng chế nhất định. Trong số các biện pháp cưỡng chế này, biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

Thực tế cho thấy, trong nhiều năm, việc quy định và áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính có nhiều điểm bất cập. *Ví dụ:* Tại điểm g khoản 3

\* Giảng viên Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội



Điều 11 Nghị định số 39/2001/NĐ-CP ngày 13/7/2001 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị quy định: Phạt 100.000 đồng đối với người điều khiển xe gắn máy, mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định. Tuy nhiên, Nghị định số 39 không quy định cụ thể về việc áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong trường hợp này. Do đó, người có thẩm quyền xử phạt khó có thể xác định được là người điều khiển phương tiện giao thông nêu trên không có hay có nhưng không mang theo giấy phép lái xe. Mặt khác, nếu ra quyết định xử phạt mà không áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm thì rất có thể ngay sau đó người vi phạm sẽ tái diễn vi phạm trước đó (điều khiển xe gắn máy, mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định).

Khắc phục những hạn chế nêu trên, Nghị định số 15 không chỉ quy định cụ thể về các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với từng loại hành vi vi phạm mà còn quy định cụ thể về việc áp dụng và thời hạn áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với một số loại vi phạm hành chính nhất định.

Theo Nghị định số 15, ngoài việc xử phạt vi phạm hành chính, người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới còn bị áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (tạm giữ xe) khi thực hiện các hành vi vi phạm sau:<sup>(1)</sup>

- *Thứ nhất*, tạm giữ xe 60 ngày đối với

người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe có kết cấu tương tự thực hiện một trong các hành vi sau:

+ Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng hoặc đuổi nhau trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

+ Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, xe chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

+ Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; đứng trên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy;

+ Điều khiển xe thành nhóm từ hai xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

- *Thứ hai*: Tạm giữ xe 30 ngày đối với người điều khiển ô tô không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

- *Thứ ba*: Tạm giữ xe 15 ngày đối với người điều khiển phương tiện giao thông thực hiện một trong các hành vi sau:

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe gắn máy, xe mô tô; xe ô tô máy kéo và các loại xe có kết cấu tương tự;

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm<sup>3</sup> trở lên;

+ Người điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe hoặc sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe bị tẩy xóa;

+ Người từ đủ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; xe taxi khách; xe ô tô chở



người từ 10 chỗ ngồi trở lên;

+ Người từ đủ 18 tuổi đến dưới 25 tuổi; người trên 55 tuổi đối với nam hoặc người trên 50 tuổi đối với nữ điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi;

Như vậy, tùy tính chất, mức độ vi phạm mà người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới ngoài việc bị xử phạt hành chính còn bị áp dụng biện pháp tạm giữ xe từ 15 ngày đến 60 ngày. Thực tế cho thấy, việc áp dụng biện pháp tạm giữ xe nêu trên đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ của người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới, ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả một số loại vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

Phù hợp với nhận định trên, có quan điểm cho rằng biện pháp tạm giữ xe cần phải được áp dụng triệt để hơn nữa, nhất là đối với các trường hợp điều khiển phương tiện giao thông cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: Nếu người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới không có giấy phép lái xe phù hợp theo quy định của pháp luật đối với loại xe đó thì cần áp dụng biện pháp tạm giữ xe đến khi nào người đó có giấy phép lái xe phù hợp thì thôi. Cơ sở của quan điểm này là: Nếu không áp dụng biện pháp tạm giữ xe thì rất có thể chủ phương tiện sẽ tiếp tục điều khiển phương tiện đó mà không có giấy phép. Điều đó có nhiều khả năng xảy ra trên thực tế, vì hai lý do sau:

+ *Một là*, thủ tục và điều kiện cấp giấy phép lái xe tương đối phức tạp, không phải

ngay một lúc có thể hoàn tất. *Ví dụ*, người chưa đủ 18 tuổi phải chờ đến khi đủ 18 tuổi mới có thể đủ điều kiện được cấp giấy phép lái xe đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm<sup>3</sup> và các loại xe có kết cấu tương tự.<sup>(2)</sup>

+ *Hai là*, số lượng chủ phương tiện cơ giới không có giấy phép lái xe rất nhiều nhưng không phải trường hợp vi phạm nào cũng bị phát hiện và xử lý.

Tất nhiên quan điểm trên có nhiều điểm không phù hợp với những quy định chung của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 mà trước hết là quy định về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là: Tối đa không quá sáu mươi ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật phương tiện.<sup>(3)</sup>

Mặt khác, chúng ta cũng không thể áp dụng biện pháp tạm giữ xe đến khi người vi phạm có giấy phép lái xe được. Vì không thể suy đoán, nếu không áp dụng biện pháp tạm giữ xe thì chắc chắn chủ phương tiện sẽ tiếp tục vi phạm và chừng nào họ chưa thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới thì Nhà nước chưa có lý do để áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với họ. Trong trường hợp, sau khi bị xử lý, chủ phương tiện thực hiện vi phạm hành chính mới thì Nhà nước có trách nhiệm phát hiện và xử lý họ theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng biện pháp tạm giữ xe nói riêng và biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nói chung chỉ có tính chất ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính mà không thể phòng ngừa một cách triệt để các



vi phạm hành chính có thể phát sinh trong thực tế. Việc phòng ngừa vi phạm hành chính là trách nhiệm chung của Nhà nước và xã hội trong việc áp dụng đồng thời nhiều biện pháp cưỡng chế, giáo dục, thuyết phục nhằm nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của nhân dân.

Tuy Nghị định số 15 quy định về thời hạn tạm giữ xe phù hợp với thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tối đa được quy định tại khoản 5 Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 nhưng xét một cách toàn diện cả về phương diện lý luận và thực tiễn quy định cũng như áp dụng biện pháp này theo Nghị định số 15 cũng còn nhiều điểm bất cập. Cụ thể là:

+ *Thứ nhất*, về trường hợp áp dụng: Theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, việc áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (tạm giữ xe) chỉ được áp dụng trong trường hợp cần xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý hoặc ngăn chặn ngay vi phạm hành chính.<sup>(4)</sup> Ngoài ra, trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ giấy phép lưu hành phương tiện hoặc giấy phép lái xe hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.<sup>(5)</sup>

Như vậy, nhìn chung biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

(tạm giữ xe) theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 chỉ được áp dụng trong các trường hợp cần ngăn chặn ngay vi phạm hành chính hoặc cần thiết để xác minh các tình tiết làm căn cứ cho việc ra quyết định xử lý vi phạm hành chính hay bảo đảm cho việc chấp hành quyết định phạt tiền. Do đó, nếu hành vi vi phạm đã chấm dứt, quyết định xử phạt đã được chấp hành xong thì người có thẩm quyền không được áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Trong khi đó, theo Nghị định số 15, biện pháp tạm giữ xe được áp dụng trong trường hợp người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới thực hiện một trong số những hành vi vi phạm nhất định (đã nêu ở trên) như là biện pháp cưỡng chế cần thiết được áp dụng kèm theo các biện pháp xử phạt chính mà không có sự phân biệt xem vi phạm hành chính đã chấm dứt hay chưa? Có cần xác minh các tình tiết làm căn cứ cho việc ra quyết định xử lý vi phạm hành chính hay không? Có cần bảo đảm cho việc chấp hành quyết định phạt tiền hay không? Vì vậy, có thể nhận định việc Nghị định số 15 quy định về trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ xe là không phù hợp với quy định chung của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính về các trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

+ *Thứ hai*, về thời hạn áp dụng: Tuy Nghị định số 15 quy định về thời hạn tạm giữ xe phù hợp với thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tối đa



là không quá sáu mươi ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật phương tiện được quy định tại khoản 5 Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 nhưng nếu biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được áp dụng trong trường hợp để bảo đảm chấp hành quyết định phạt tiền theo khoản 3 Điều 57 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn tạm giữ có thể là hơn 60 ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong trường hợp này, nếu ngày tạm giữ tang vật, phương tiện là ngày lập biên bản vi phạm hành chính thì thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện sẽ bằng thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cộng với thời hạn gửi quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm cộng với thời hạn chấp hành quyết định xử phạt (tất nhiên nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn pháp luật quy định thì sẽ bị cưỡng chế thi hành). Trong đó, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tối đa là 60 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.<sup>(6)</sup>

Như vậy, việc xác định thời hạn tạm giữ xe ở ba mức 15 ngày, 30 ngày và 60 ngày là không phù hợp với quy định về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được áp dụng để bảo đảm việc chấp hành quyết định phạt tiền theo khoản 3 Điều 57 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Mặt khác, việc quy định thời hạn tạm giữ xe 15 ngày, 30 ngày hoặc 60 ngày mà không xác định cụ thể là từ ngày nào trong

Nghị định số 15 cũng là hạn chế cần được khắc phục.

+ Thứ ba, về tính chất của biện pháp: Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (tạm giữ xe) là biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính,<sup>(7)</sup> được áp dụng không nhằm mục đích trừng phạt đối với chủ thể vi phạm hành chính; trong những trường hợp pháp luật quy định cụ thể và nhìn chung không phụ thuộc vào loại vi phạm hành chính được thực hiện.

Thực tế việc áp dụng biện pháp tạm giữ xe theo Nghị định số 15 cũng gây ra những thiệt hại đáng kể nhất định đối với chủ phương tiện. Mặt khác, Nghị định số 15 chỉ quy định cụ thể việc áp dụng biện pháp này đối với người điều người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới khi họ thực hiện một số loại vi phạm hành chính nhất định (đã nêu ở trên) và chia thành 3 mức áp dụng (15 ngày; 30 ngày; 60 ngày) tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. Do đó, cả người áp dụng và người bị áp dụng biện pháp này chỉ chủ yếu quan tâm đến tính chất trừng phạt của biện pháp mà xem nhẹ tính chất ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính của biện pháp.

Từ những phân tích nêu trên, cần phải có những quy định và hướng áp dụng thống nhất biện pháp tạm giữ xe theo những quy định chung trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 về biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Cụ thể là:



+ Tạm giữ xe chỉ là một biện pháp cưỡng chế cụ thể thuộc nhóm biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Do đó, biện pháp này không chỉ được áp dụng đối với chủ phương tiện giao thông cơ giới khi họ thực hiện một số loại vi phạm hành chính nhất định. Biện pháp tạm giữ xe cần được áp dụng thống nhất theo các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 46 và khoản 3 Điều 57 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính như đã nêu.

+ Không nên quy định cụ thể về thời hạn áp dụng biện pháp này. Nhất là không nên quy định cụ thể thành ba mức áp dụng biện pháp này theo các thời hạn 15 ngày, 30 ngày hoặc 60 ngày, vì: Nếu biện pháp này được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn ngay vi phạm hành chính hoặc cần thiết để xác minh các tình tiết làm căn cứ cho việc ra quyết định xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn áp dụng biện pháp này được xác định phù hợp với thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành thì cũng có nghĩa là vi phạm hành chính đã được ngăn chặn, các tình tiết làm căn cứ cho việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được xác minh đầy đủ, nên lí do để tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không còn, người có thẩm quyền phải trả lại tang vật, phương tiện cho người vi phạm, nếu không áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện đó.

Nếu biện pháp tạm giữ xe được áp dụng trong trường hợp để bảo đảm chấp hành

quyết định phạt tiền thì biện pháp này được áp dụng đến khi người vi phạm chấp hành xong quyết định phạt tiền. Hay nói cách khác khi người vi phạm hành chính chấp hành xong quyết định phạt tiền thì người có thẩm quyền xử phạt phải trả lại tang vật, phương tiện đã tạm giữ, nếu không áp dụng biện pháp bán đấu giá tang vật, phương tiện đó để cưỡng chế thi hành quyết định phạt tiền.

+ Cần quy định thống nhất về nguyên tắc thời hạn áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là: Người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải trả ngay tang vật, phương tiện vi phạm đã tạm giữ cho cá nhân, tổ chức khi lí do của việc tạm giữ không còn. Quy định này không chỉ bảo đảm được mục đích của việc áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà còn hạn chế sự tùy tiện của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, giảm bớt những thiệt hại không cần thiết cho người vi phạm./.

- 
- (1).Xem: Điều 10 và Điều 25 Nghị định số 15 ngày 19/02/2003.
  - (2).Xem: Điểm b khoản 1 Điều 55 Luật giao thông đường bộ ngày 29/6/2001.
  - (3).Xem: Khoản 5 Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002.
  - (4).Xem: Khoản 1 Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002.
  - (5).Xem: Khoản 3 Điều 57 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002.
  - (6).Xem: Khoản 1 Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002.
  - (7).Xem: Điểm d khoản 1 Điều 43 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002.